

Bản án số: 196/2020/HS-ST
Ngày: 23-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Nhân;
2. Ông Nguyễn Hoàng Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 164/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. **Phạm Văn C**, sinh năm 1983 tại tỉnh C; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh C; chỗ ở: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn V, sinh năm 1960 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1963; có 01 con sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 17/12/2008, bị Toà án nhân dân huyện B, tỉnh B xử phạt 38 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 154/2008/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2010, đã thi hành xong nghĩa vụ án phí ngày 16/02/2009.

- Ngày 23/10/2015, bị Toà án nhân dân thị xã B, tỉnh B xử phạt 18 tháng tù về tội “Huỷ hoại tài sản” theo Bản án số 190/2015/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/9/2016, đã thi hành xong nghĩa vụ án phí ngày 14/4/2016.

- Ngày 18/4/2019, bị Công an phường T, thị xã B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “đánh bạc” theo Quyết định số 56, đã chấp hành xong ngày 18/4/2019.

2. **Nguyễn Thị Ngọc Y**, sinh năm 1994 tại tỉnh A; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã C, huyện T, tỉnh A; chỗ ở: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 và bà Hà Thị D, sinh năm 1975; có 02 chị em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

3. **Lê Thị Đ**, sinh năm 1981 tại tỉnh S; hộ khẩu thường trú: Ấp 19, xã V, huyện T, tỉnh K; chỗ ở: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 05/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn P (đã chết) và bà Lê Thị L, sinh năm 1958; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; có hai con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

4. **Phan Thị M**, sinh năm 1976 tại tỉnh S; hộ khẩu thường trú: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh S; chỗ ở: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 07/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phan Văn H, sinh năm 1958 và bà Lê Thị H (đã chết); bị cáo có chồng là Nhan Minh H, sinh năm: 1977; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

5. **Lâm Thị Kim L**, sinh năm 1963 tại tỉnh S; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh S; chỗ ở: Phường A, thành phố T, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 0/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lâm X (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1934; bị cáo có chồng là Lý Hồng S, sinh năm 1941; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1997.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 27/02/2020, bị Công an phường M, thị xã B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “đánh bạc” theo Quyết định số 102/QĐ-XPHC, đã chấp hành xong ngày 04/3/2020.

6. **Phan Thị Nh**, sinh năm 1981 tại tỉnh L; hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh L; chỗ ở: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 0/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phan Văn Đ, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1957; bị cáo có chồng là Trần Văn K, sinh năm 1973; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

7. **Dương Văn H**, sinh năm: 1979 tại tỉnh C; hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã T, huyện Đ, tỉnh C; chỗ ở: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Dương Đức K (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950; bị cáo có vợ là Phạm Trúc L, sinh năm 1979; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/7/2005, bị Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh C xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 65/2005/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/3/2006, chấp hành xong nghĩa vụ án phí ngày 13/9/2006.

8. **Trịnh Thị H**, sinh năm: 1963 tại tỉnh T; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã B, huyện M, tỉnh T; chỗ ở: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1942; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn H, sinh năm 1959; có 02 con, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1988.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 27/02/2020, bị Công an phường M, thị xã B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “đánh bạc” theo Quyết định số 96/QĐ-XPHC, đã chấp hành xong ngày 04/3/2020.

9. **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1957 tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã H, huyện P, tỉnh B; chỗ ở: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 0/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Phùng Thị T (đã chết); bị cáo có chồng là Phan Văn Đ, sinh năm 1960; có 05 con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1992.

Tiền án; tiền sự: Không.

10. **Nguyễn Hồng L**, sinh năm 2001 tại tỉnh A; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã C, huyện T, tỉnh A; chỗ ở: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 và bà Hà Thị D, sinh năm 1975; có 02 chị em lớn nhất là sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh là bị cáo.

Tiền án; tiền sự: Không.

11. **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1955 tại tỉnh A; hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh A; chỗ ở: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 0/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Lê Thị T (đã chết); bị cáo có chồng là Huỳnh Văn T (đã chết); có 05 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1945, nhỏ nhất sinh năm 1973.

Tiền án; tiền sự: Không.

Các bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/5/2020 đến ngày 10/5/2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 10/5/2020 cho đến nay. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*: Hà Thị D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 35 phút, ngày 01/5/2020, nhận được tin báo từ quần chúng nhân dân, Công an phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát kiểm tra và bắt quả tang 11 đối tượng gồm Phạm Văn C, Nguyễn Thị Ngọc Y, Phan Thị Nh, Trịnh Thị H, Nguyễn Thị A, Dương Văn H, Lê Thị Đ, Lâm Thị Kim L, Phan Thị M, Nguyễn Hồng L đang tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài 06 lá thắng thua bằng tiền, Nguyễn Thị B có hành vi thu tiền xâu tại phòng trọ số 06 nhà trọ An Sương thuộc khu phố 4, phường M, thị xã Bến Cát, nên tiến hành bắt giữ và tạm giữ:

- + 05 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng.
- + 05 bộ bài tây 52 lá chưa qua sử dụng.
- + Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 13.400.000 đồng.
- + Thu giữ trên người các đối tượng đánh bạc số tiền 17.205.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận:

Khoảng 17 giờ, ngày 30/4/2020, Phạm Văn C đang phụ Nguyễn Thị Ngọc Y bán hàng tạp hóa tại kiốt nhà trọ Hoàng Vũ trên đường NA10 thuộc khu phố 4, phường M, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương thì gặp một số người ở gần khu vực C ở đến mua hàng nên C hẹn 22 giờ cùng ngày đến phòng trọ số 6, nhà trọ An Sương của Nguyễn Thị B thuê ở thuộc khu phố 4, phường M, thị xã Bến Cát để đánh bạc thắng thua bằng tiền. C đến phòng trọ của B mượn phòng để đánh bạc và hứa sẽ đưa tiền xâu. B đồng ý.

Khoảng 22 giờ Nh, H, A, Đ và L đến phòng trọ của B đánh bạc thắng thua bằng tiền. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, C và Y đến thì gặp cả nhóm đang đánh bạc. Sau khi L làm cái Đ 03 ván thì C, Y, H và M đến tham gia đánh bạc. C thay L làm cái.

Cách thức đánh bài 06 lá (bài binh Ấn Độ) và quy định thắng thua như sau: Một bộ bài tây 52 lá được C chia cho các tụ người chơi, mỗi tụ gồm 06 lá bài. Sau khi chia xong thì người chơi tự sắp xếp và chia ra làm 02 chi mỗi chi 03 lá bài. Chi nhỏ sắp ở trên, chi lớn sắp ở dưới. Mỗi chi được tính số điểm của 03 lá bài, nhỏ nhất bằng 0 điểm, lớn nhất bằng 09 điểm, riêng 03 lá bài tây là lớn nhất. Sau khi sắp bài xong, người làm cái sẽ so sánh điểm với người chơi để tính thắng thua so với từng chi. Chi nào có số điểm lớn hơn là thắng, số điểm bằng nhau là hòa, số điểm thấp hơn là thua. Bài nào thắng từ 01 chi trở lên là thắng ván bài, người thua phải trả tiền cược cho người thắng với tỷ lệ cá cược là 1:1. Mỗi ván người chơi đặt cược thấp nhất là 50.000 đồng, lớn nhất là 200.000

đồng. Tùy theo mức độ thắng thua mà các đối tượng đánh bạc đưa tiền cho B số tiền từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng.

Đến khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 01/5/2020, L đến phòng trọ và thay C làm cái thì bị Công an phát hiện và bắt giữ.

Số tiền mang theo đánh bạc thắng thua của từng người như sau:

+ Phạm Văn C mượn Y số tiền 5.000.000 đồng dùng để đánh bạc và Y cầm số tiền trên để trả cho người đánh bạc. Quá trình đánh bạc, C làm cái thắng 2.800.000 đồng. Khi bị bắt Y cầm số tiền trên vứt xuống chỗ ngồi của C và Y. C mang theo 2.800.000 đồng để ở túi quần sau. Số tiền trên C dùng để mua hàng hóa kinh doanh. Tổng số tiền C dùng vào mục đích đánh bạc là 7.850.000 đồng.

+ Nguyễn Thị Ngọc Y mang theo số tiền 6.530.000 đồng, Y đưa C mượn số tiền 5.050.000 đồng dùng để đánh bạc, còn lại số tiền 1.480.000 đồng Y cất vào túi áo trước không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Y không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng giữ tiền để trả cho các đối tượng đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Y đưa 50.000 đồng tiền xâu cho B. C thắng được 2.800.000 đồng. Khi bị bắt, Y cầm số tiền 7.800.000 đồng vứt xuống chỗ ngồi của C và Y.

+ Lê Thị Đ mang theo số tiền 4.760.000 đồng dùng để đánh bạc. Đ lấy ra 500.000 đồng để đánh bạc trước, số tiền 4.260.000 đồng cất trong túi quần nếu thua sẽ lấy tiền trong túi quần ra đánh tiếp. Quá trình đánh bạc, Đ thắng 1.000.000 đồng. Khi bị công an bắt quả tang số tiền trên chiếu bạc của Đ là 1.500.000 đồng, số tiền thu trong túi quần là 4.260.000 đồng. Tổng số tiền Đ dùng để đánh bạc là 5.760.000 đồng.

+ Phan Thị M mang theo số tiền 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, M thua 600.000 đồng. Khi bị bắt, Mai để số tiền 400.000 đồng trong túi quần và bị thu giữ. Tổng số tiền M dùng để đánh bạc là 1.000.000 đồng.

+ Lâm Thị Kim L mang theo số tiền 3.040.000 đồng. L lấy ra 520.000 đồng dùng để đánh bạc, số tiền 2.520.000 đồng L dùng để trả nợ ngân hàng cất trong ví. Quá trình đánh bạc, L đưa B 20.000 đồng tiền xâu, L thua hết 500.000 đồng. Tổng số tiền L dùng để đánh bạc là 520.000 đồng.

+ Phan Thị Nh mang theo số tiền 2.000.000 đồng dùng để đánh bạc. Nh để 2.000.000 đồng trong túi áo khoác bên phải. Quá trình đánh bạc, Nh thắng 4.100.000 đồng. Khi bị bắt, Công an thu giữ của Nh 4.100.000 đồng trên chiếu bạc và 2.000.000 đồng để trong túi áo. Tổng số tiền Nh dùng vào mục đích đánh bạc là 6.100.000 đồng.

+ Dương Văn H mang theo số tiền 2.020.000 đồng dùng để đánh bạc. H để tiền trong túi quần sau bên phải. Quá trình đánh bạc, H đưa B 20.000 đồng tiền xâu, H thua 350.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, H bị thu giữ 1.650.000 đồng bỏ trong túi quần. Tổng số tiền H dùng để đánh bạc là 2.020.000 đồng.

+ Trịnh Thị H mang theo số tiền 300.000 đồng dùng để đánh bạc. H chơi ké tụ với Đ và thua hết 300.000 đồng. Khi bị công an bắt quả tang H đang ngồi

xem các đối tượng đánh bạc chơi. Tổng số tiền H dùng để đánh bạc là 300.000 đồng.

+ Nguyễn Thị A mang theo số tiền 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc. A để số tiền trên trong túi áo khoác. Quá trình chơi A thắng được 900.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, A bị thu giữ 1.900.000 đồng bỏ trong túi quần. Tổng số tiền A dùng để đánh bạc là 1.900.000 đồng.

+ Nguyễn Hồng L mang theo số tiền 195.000 đồng. L cất số tiền trên trong túi quần và không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc, L thay C làm cái được 03 ván, ván thứ tư, vừa chia bài xong thì bị bắt quả tang.

+ Nguyễn Thị B không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng có hành vi cho các bị cáo C, Y, Đ, Nh, H, M, Liên, H, L, A mượn phòng, cung cấp bài và khi các đối tượng đánh bạc thắng thì B thu tiền xâu tùy vào các đối tượng đánh bạc. Y đưa cho B 50.000 đồng, L đưa B 20.000 đồng, H đưa B 20.000 đồng, tổng cộng 90.000 đồng. Số tiền trên B đã cho một người khác.

Tổng số tiền các bị cáo C, Y, Đ, M, Liên, Nh, H, H, A, L dùng để đánh bạc là: 23.700.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ Thu giữ của bị cáo C: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7, màu đen, đã qua sử dụng và số tiền 2.800.000 đồng.

+ Thu giữ của bị cáo Y : 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ngọc Y; 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh, đen; 01 giấy phép lái xe A1 mang tên Nguyễn Thị Ngọc Y và số tiền 1.480.000 đồng.

+ Thu giữ của bị cáo Đ: 01 điện thoại di động Realme 5i, màu xanh và số tiền 4.260.000 đồng.

+ Thu giữ của M số tiền 400.000 đồng.

+ Thu giữ của bị cáo L số tiền 2.520.000 đồng.

+ Thu giữ của bị cáo Nh: 01 điện thoại OPPO F3, màu bạc, đã qua sử dụng và số tiền 2.000.000 đồng.

+ Thu giữ của Dương Văn H số tiền 1.650.000 đồng.

+ Thu giữ của Nguyễn Thị A số tiền 1.900.000 đồng.

+ Thu giữ của Nguyễn Hồng L 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh, đã qua sử dụng; số tiền 195.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hồng L.

+ Thu giữ của Hà Thị D số tiền 1.330.000 đồng.

Quá trình điều tra, xác định Hà Thị D không tham gia thực hiện hành vi đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý về hình sự đối với Dung.

Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đã xử lý vật chứng như sau:

+ Đối với 01 điện thoại di động Realme 5i, màu xanh, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Đ. Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, không sử dụng vào việc phạm tội. Ngày 10/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát có Quyết định xử lý vật chứng và giao trả điện thoại trên cho bị cáo Đ.

+ Đối với 01 điện thoại OPPO F3, màu bạc, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nh. Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Nh không sử dụng vào việc phạm tội. Ngày 10/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát có Quyết định xử lý vật chứng và giao trả điện thoại trên cho bị cáo Nh.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh, đã qua sử dụng; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hồng L thu giữ của bị cáo L. Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo L, không sử dụng vào việc phạm tội. Ngày 10/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát có Quyết định xử lý vật chứng và giao trả điện thoại trên cho bị cáo L.

+ Đối với số tiền 1.330.000 đồng giữ của Hà Thị D. Đây là tài sản hợp pháp của Dung không sử dụng vào việc phạm tội. Ngày 10/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát có Quyết định xử lý vật chứng và giao trả số tiền trên cho Hà Thị D.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7, màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo C. Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo C, không sử dụng vào việc phạm tội. Ngày 10/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát có Quyết định xử lý vật chứng và giao trả điện thoại trên cho bị cáo C.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh đen, đã qua sử dụng; 01 giấy phép lái xe A1 mang tên Nguyễn Thị Ngọc Y và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ngọc Y thu giữ của bị cáo Y. Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Y, không sử dụng vào việc phạm tội. Ngày 10/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đã có Quyết định xử lý vật chứng và giao trả điện thoại, giấy phép lái xe cùng chứng minh nhân dân nêu trên cho bị cáo Y.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo và vật chứng thu giữ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 175/CT-VKSBC ngày 04/8/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Thị Ngọc Y, Phan Thị Nhh, Trịnh Thị H, Nguyễn Thị A, Dương Văn H, Lê Thị Đ, Lâm Thị Kim L, Phan Thị M và Nguyễn Hồng L về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội: “Giá bạc” theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Đ sửa đổi, bổ sung năm 2017:
 - + Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Y số tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.
 - + Xử phạt bị cáo Phan Thị Nh số tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.
 - + Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.
 - + Xử phạt bị cáo Lê Thị Đ số tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.
 - + Xử phạt bị cáo Phan Thị M số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.
 - + Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng L số tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.
- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Đ sửa đổi, bổ sung năm 2017:
 - + Xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.
 - + Xử phạt bị cáo Dương Văn H từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.
 - + Xử phạt bị cáo Lâm Thị Kim L từ 10 (mười) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.
 - + Xử phạt bị cáo Trịnh Thị H từ 10 (mười) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.
- Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Đ sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B số tiền từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng.
- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:
 - + Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 23.610.000 đồng dùng để đánh bạc.
 - + Tịch thu tiêu hủy: 10 Bộ bài tây 52 lá, gồm 05 bộ đã qua sử dụng và 05 bộ chưa qua sử dụng.
 - + Quản thủ để đảm bảo cho việc thi hành án đối với số tiền: 1.480.000 đồng thu giữ của bị cáo Y ; 2.800.000 đồng thu giữ của bị cáo C; 2.520.000 đồng thu giữ của bị cáo Liên; 195.000 đồng thu giữ của bị cáo L.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung Cáo trạng truy tố, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo không có tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận: Vào khoảng 22 giờ, ngày 30/4/2020 đến khoảng 03 giờ 10 phút, ngày 01/5/2020, tại phòng trọ số 06 nhà trọ An Sương thuộc khu phố 4, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương do bị cáo Nguyễn Thị B thuê để ở, các bị cáo gồm: Phạm Văn C, Phan Thị Nh, Trịnh Thị H, Nguyễn Thị A, Dương Văn H, Lê Thị Đ, Lâm Thị Kim L, Phan Thị M và Nguyễn Hồng L đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài 06 lá (bài binh Ấn Độ) thắng thua bằng tiền với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 23.700.000 đồng. Trong đó, số tiền đánh bạc của từng bị cáo như sau: Của C là 7.850.000 đồng, của Đ là 5.760.000 đồng, của M là 1.000.000 đồng, của L là 520.000 đồng, của Nh là 6.100.000 đồng, của H là 2.020.000 đồng, của H là 300.000 đồng và của A là 1.900.000 đồng. Bị cáo L thay bị cáo C làm cái được 03 ván, ván thứ tư, vừa chia bài xong thì bị bắt quả tang. Bị cáo Y không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng có hành vi trả tiền cho các đối tượng đánh bạc. Bị cáo B không trực tiếp tham gia chơi đánh bạc nhưng có hành vi cho các bị cáo mượn địa điểm để đánh bạc và thu 90.000 đồng tiền xâu của các đối tượng đánh bạc.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Xét các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách Nhiệm hình sự. Về nhận thức, các bị cáo hoàn toàn hoàn toàn biết hành vi đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền và hành vi cho mượn chỗ ở của mình làm nơi thực hiện hành vi đánh bạc để thu lợi là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham lam, tư lợi nên các bị cáo đã cố tình thực hiện. Hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền của các bị cáo và hành vi gá bạc của bị cáo B là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương,

đánh bạc còn là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác. Hành vi gá bạc tạo điều kiện cho hành vi đánh bạc.

Hành vi của các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Thị Ngọc Y, Phan Thị Nhh, Trịnh Thị H, Nguyễn Thị A, Dương Văn H, Lê Thị Đ, Lâm Thị Kim L, Phan Thị M và Nguyễn Hồng L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt Đ quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Như vậy, bản Cáo trạng số 175/CT-VKSBC ngày 04/8/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Thị Ngọc Y, Phan Thị Nhh, Trịnh Thị H, Nguyễn Thị A, Dương Văn H, Lê Thị Đ, Lâm Thị Kim L, Phan Thị M và Nguyễn Hồng L về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Y, Nh, A, Đ, M và L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho từng bị cáo.

[4] Về tiền sự: Bị cáo L và bị cáo H đều có 01 tiền sự: Ngày 21/02/2020, bị cáo L và bị cáo H bị Công an phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát xử phạt vi phạm hành chính mỗi người 1.500.000 đồng về hành vi “đánh bạc”.

[5] Về nhân thân: Bị cáo C và bị cáo H có nhân thân xấu:

- Ngày 17/12/2008, bị cáo C bị Toà án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 38 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 154/2008/HSST.

- Ngày 23/10/2015, bị cáo C bị Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội “Huỷ hoại tài sản” theo Bản án số 190/2015/HSST.

- Ngày 28/5/2005, bị cáo H bị Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 65/2005/HSST.

[6] Xét về tính chất và mức độ phạm tội: Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Trong đó: Bị cáo C là người đề xuất việc đánh bạc và làm cái. Bị cáo L làm cái Đ 03 ván. Bị cáo Y không trực tiếp tham gia đánh bạc mà dùng tiền của mình để cùng với bị cáo C chung chi tiền

thắng thua cho các con bạc. Bị cáo L không sử dụng tiền để đánh bạc nhưng đã có hành vi làm cái thay cho bị cáo C 04 ván.

Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe, giáo dục cho các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[7] Đối với Hà Thị D, quá trình điều tra, xác định Dung không tham gia thực hiện hành vi đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý về hình sự đối với Hà Thị D là phù hợp.

[8] Xét thấy các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và có Nều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Do đó Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, bổ sung hình phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Văn C, Lâm Thị Kim L và Trịnh Thị H; áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo còn lại cũng đã đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, sống có ích cho xã hội.

[9] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với các vật chứng thu giữ là tài sản không L quan đến việc phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao trả lại các tài sản cho các chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 13.400.000 đồng và số tiền thu giữ trên người của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 10.210.000 đồng, tổng cộng là 23.610.000 đồng. Xét đây là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 10 bộ bài tây 52 lá. Xét đây là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với các khoản tiền không sử dụng vào việc phạm tội thu giữ trên người của các bị cáo gồm: 1.480.000 đồng thu giữ của bị cáo Y, 2.800.000 đồng thu giữ của bị cáo C, 2.520.000 đồng thu giữ của bị cáo L và 195.000 đồng thu giữ của bị cáo L. Xét đây là tài sản các bị cáo mang theo trên người nhưng không có căn cứ xác định các bị cáo sử dụng số tiền này vào việc phạm tội. Cần quản thủ số tiền trên để đảm bảo cho việc thi hành án của từng bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Thị B khai nhận thu lợi số tiền xâu là 90.000 đồng và đã mang số tiền này cho một người khác. Do đó, cần buộc bị cáo B nộp lại số tiền này để tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo C, Liên, A và M là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng hình phạt đề nghị đối với các bị cáo còn lại là chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi, cũng như số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc. Nên Hội đồng xét xử

xem xét áp dụng hình phạt chính đối với bị cáo H là phạt tiền; áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo Y, Nh, Đ và B cao hơn mức đề nghị và áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo H và L nhẹ hơn mức đề nghị.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Thị Ngọc Y, Phan Thị Nh, Trịnh Thị H, Nguyễn Thị A, Dương Văn H, Lê Thị Đ, Lâm Thị Kim L, Phan Thị M, Nguyễn Hồng L phạm tội: “Đánh bạc”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội: “Gá bạc”.

2. Về điều khoản áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Phạm Văn C cho Ủy ban nhân dân phường M, thị xã B, tỉnh B phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường M, thị xã B, tỉnh B nhận được Bản án và Quyết định thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 01/5/2020 đến ngày 10/5/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn C số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Trịnh Thị H 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Trịnh Thị H cho Ủy ban nhân dân phường M, thị xã B, tỉnh B phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường M, thị xã B, tỉnh B nhận được Bản án và Quyết định thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 01/5/2020 đến ngày 10/5/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Trịnh Thị H số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Lâm Thị Kim L 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lâm Thị Kim L cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh B phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh B nhận được Bản

án và Quyết định thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 01/5/2020 đến ngày 10/5/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Lâm Thị Kim L số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Trong trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Dương Văn H số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Y số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Phan Thị Nh số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị Đ số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Phan Thị M số tiền 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng L số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

- Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

3. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Phạm Văn C theo lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 47/2020/HSST-LCCT ngày 01/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Y theo lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 48/2020/HSST-LCCT ngày 01/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Phan Thị Nh theo lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 49/2020/HSST-LCCT ngày 01/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Trịnh Thị H theo lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 50/2020/HSST-LCCT ngày 01/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Nguyễn Thị A theo lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 51/2020/HSST-LCCT ngày 01/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Dương Văn H theo lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 52/2020/HSST-LCCT ngày 01/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Lê Thị Đ theo lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 53/2020/HSST-LCCT ngày 01/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Lâm Thị Kim L theo lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 54/2020/HSST-LCCT ngày 01/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Phan Thị M theo lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 55/2020/HSST-LCCT ngày 01/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Nguyễn Hồng L theo lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 56/2020/HSST-LCCT ngày 01/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Nguyễn Thị B theo lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 57/2020/HSST-LCCT ngày 01/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 23.610.000 đồng (hai mươi ba triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị B nộp số tiền là 90.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 10 Bộ bài tây 52 lá, gồm 05 bộ đã qua sử dụng và 05 bộ chưa qua sử dụng.

- Tuyên quản thủ để đảm bảo cho việc thi hành án đối với số tiền:

+ 1.480.000 đồng (một triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Y;

+ 2.800.000 đồng (hai triệu, tám trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Phạm Văn C;

+ 2.520.000 đồng (hai triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Lâm Thị Kim L;

+ 195.000 đồng (một trăm chín mươi lăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Hồng L.

(Theo Giấy nộp tiền ngày 10/8/2020 do Công an thị xã Bến Cát nộp vào Tài khoản số 3949.0.1046035 tại Kho bạc Nhà nước thị xã Bến Cát, tỉnh Bình

Dương và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Thị Ngọc Y, Phan Thị Nhh, Trịnh Thị H, Nguyễn Thị A, Dương Văn H, Lê Thị Đ, Lâm Thị Kim L, Phan Thị M, Nguyễn Hồng L và Nguyễn Thị B, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- UBND phường M, thị xã B, tỉnh B;
- UBND phường A, thành phố T, tỉnh B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Nhung